**MỤC LỤC**

1. Tiền đề của cách mạng công nghiệp 2

a. Sự phát triển của sức sản xuất 2

b. Tích lũy tư bản 3

c. Thắng lợi cuộc cách mạng tư sản và sự ra đời

của giai cấp tư bản chủ nghĩa 4

2. Diễn biến cuộc cách mạng công nghiệp 5

a. Bước khởi đầu của cách mạng công nghiệp

(giữa thế kỉ XVIII-thế kỉ XIX) 6

b. Những phát minh kĩ thuật và cuộc cách mạng công nghiệp ở Anh 8

c. Cách mạng công nghiệp ở một số nước khác 8

d. Những phát minh khoa học-kĩ thuật và những học thuyết

chính trị thời cận đại 9

d1. Những thành tựu khoa học và trào lưu

Triết học Khai sáng thế kỉ XVIII 9

d2. Những phát minh khoa học và tiến bộ kĩ thuật thế kỉ XIX 10

d3. Những học thuyết xã hội 11

3. Hệ quả cách mạng công nghiệp 12

4. Kết luận…………………………………………………………………….16

TÀI LIỆU THAM KHẢO…………………………………………………….17

Cách mạng công nghiệp là cuộc cách mạng trong lĩnh vực sản xuất; là sự thay đổi cơ bản các điều kiện kinh tế - xã hội, văn hóa và kỹ thuật, xuất phát từ nước Anh sau đó lan tỏa ra toàn thế giới. Trong thời kỳ này, nền kinh tế giản đơn, quy mô nhỏ, dựa trên lao động chân tay được thay thế bằng công nghiệp và chế tạo máy móc quy mô lớn. Tên gọi "Cách mạng công nghiệp" thường dùng để chỉ giai đoạn thứ nhất của nó diễn ra ở cuối thế kỷ 18 và đầu thế kỷ 19. Giai đoạn hai hay còn gọi là Cách mạng công nghiệp lần thứ hai tiếp tục ngay sau đó từ nửa sau thế kỷ 19 đến đầu thế kỷ 20.

Cuộc cách mạng công nghiệp không chỉ là một bước chuyển đổi từ một phương thức sử dụng công nghệ này sang một phương thức sử dụng công nghệ khác mà còn có cả những thay đổi cơ bản trong xã hội liên quan đến bước chuyển đổi ấy.

***1.Những tiền đề của cuộc cách mạng công nghiệp***

Từ thế kỷ XVIII đến thế kỷ XIX, các cuộc cách mạng công nghiệp đã diễn ra ở nhiều nước châu Âu và nước Mỹ. Cuộc cách mạng công nghiệp diễn ra trên cơ sở những tiền đề về kinh tế, chính trị và xã hội đã được hình thành trong các thời kỳ trước đó.

***a. Sự phát triển của sức sản xuất***

Sự phát triển của sức sản xuất là tiền đề quan trọng dẫn đến cuộc cách mạng công nghiệp. Từ thế kỷ XI đến thế kỷ XIV, ở Tây Âu đã xuất hiện nhiều thành thị. Thành thị trở thành trung tâm thủ công nghiệp, sản xuất hàng hóa và buôn bán. Trong thời kỳ này, các xưởng thủ công được hình thành thay thế cho hình thức sản xuất thủ công nghiệp gia đình. Điều này giúp thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất, thúc đẩy việc áp dụng các kỹ thuật mới và hoàn thiện các thói quen trong lao động thủ công. Ngoài ra các xưởng sản xuất này còn thúc đẩy quá trình áp dụng các kỹ thuật mới vào trong sản xuất và hoàn thiện các thói quen lao động thủ công. Tạo điều kiện để thủ công nghiệp tách khỏi sản xuất nông nghiệp và chuyển sang nền sản xuất hàng hóa.

Về phương diện kỹ thuật, sản xuất thủ công nghiệp áp dụng các kỹ thuật mới làm kích thích và tạo ra khả năng sử dụng năng lượng mới, là cơ sở cho việc chuẩn bị cho sự ra đời của kỹ thuật máy móc (cối xay gió, bánh xe cạp nước). Khi giải thích các nhân tố đã tạo ra điều kiện cho sự xuất hiện của cách mạng công nghiệp, Mác đã gọi các cối xay chạy bàng nước và sức gió là những công cụ đầu tiên chứng tỏ bước tiến hóa lớn lao của con người về mặt kinh nghiệm lao động và trí thức, vì “công cụ này đã sử dụng nguyên lý máy”.

Từ thế kỷ XIV đến XV, những nhân tố của chủ nghĩa tư bản đã xuất hiện ở Tây Âu. Hình thái sản xuất đầu tiên của chủ nghĩa tư bản là các công trường thủ công đã ra đời và thay thế cho phường hội thủ công nghiệp phong kiến. Trong thời kỳ này, sức sản xuất ở Tây Âu có sự biến đổi căn bản nhất là trong lĩnh vực công cụ sản xuất như phát minh lò cao, phát minh bánh xe guồng nước, chiếc xa quay sợi bằng tay, cải tiến khung cửi nằm ngang thành khung cửi đứng (trong ngành dệt).

Từ thế kỷ XVI hình thức thủ công tư bản chủ nghĩa trở nên phỗ biến, đóng vai trò quan trọng trong việc chuẩn bị những điều kiện cần thiết để chuyển nền sản xuất nhỏ thủ công nghiệp sang nền sản xuất lớn cơ khí. Trong công trường thủ công cũng có sự phân công lao động, làm cho hiệu suất lao động được nâng cao, máy móc có khả năng thay thế đôi bàn tay của con người.

***b. Tích lũy tư bản***

Tích lũy tư bản cũng là tiền đề quan trọng cho cách mạng công nghiệp.

Quá trình tích lũy tư bản được thực hiện bằng nhiều biện pháp khác nhau. Biện pháp đầu tiên và được sử dụng phổ biến là cướp đoạt ruộng đất và biến nó trở thành cơ sở sản xuất nông nghiệp mang tính tư bản chủ nghĩa. Điều này khiến tầng lớp nông dân trở nên nghèo nàn túng quẫn vì mất nhà, mất ruộng phải đi làm cho các chủ nông trường và tham gia vào đội quân hậu bị của công nghiệp còn tầng lớp chủ đất thì trở nên giàu có.

Ở Anh, chỉ riêng nửa đầu thế kỷ XVIII, có 208 đạo luật ruộng đất được ban bố, do đó mà 312.000 acre đất công rơi vào tay địa chủ (1 acre=4046,46 m2)

Ngoài ra, quá trình tích lũy tư bản còn diễn qua thông qua biện pháp khác là mở rộng các vùng đất thực dân và cướp đoạt nguồn tài nguyên thuộc địa (Những tài nguyên từ các vùng đất bị xâm chiếm sau những cuộc phát kiến về địa lý). Việc gia tăng cướp bóc tài nguyên tại các vùng đất thực dân khiến giá cả hàng hoá tăng cao trở thành nhân tố kích thích quá tình tích lũy tư bản và thúc đẩy sự phát triển sản xuất tư bản.

Nước Anh bắt đầu bành trướng thuộc địa từ thế kỷ XV-XVII nhưng phải đợi đến thế kỉ XVIII, Anh mới chiếm địa vị hàng đầu trên mặt biển sau khi đánh bại các địch thủ của mình là Tây Ban Nha, Hà Lan và Pháp. Anh chiếm Ireland, Gibralta, 13 thuộc địa Châu Mỹ, Canada, một số đảo vùng Caribée, Tây Phi, Châu Úc, Ấn Độ...Với hệ thống thuộc địa rộng lớn này, giai cấp tư sản Anh có một nguồn dự trữ dồi dào về tư bản. Các thuộc địa được dùng làm căn cứ quân sự và là nơi giai cấp tư sản Anh vơ vét, bóc lột các nguồn tài nguyên thiên nhiên để phục vụ cho kinh tế tư bản chủ nghĩa của họ.

Việc khai thác các con đường hàng hải sau những cuộc phát kiến về địa lỹ cũng là một trong các biện pháp gia tăng tích lũy tư bản. Thông qua việc khai thác các con đường hàng hải này đã làm cho thương nghiệp ở Tây Âu phát triển, lợi nhuận đem lại đều được đưa về chính quốc và chuyển hàng hóa thành tư bản.

Việc buôn bán người da đen cũng là một yếu tố thúc đẩy quá trình tích lũy tư bản. Làm tăng năng suất lao động tạo ra khối lượng hàng hóa lớn cho giai cấp tư sản. Từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XVIII, bọn thực dân đã bán khoảng 15 triệu nô lệ từ châu Phi sang châu Mỹ do sự phát triển của kinh tế đồn điền ở miền Nam nước Mỹ làm cho nhu cầu nô lệ ngày càng tăng. Trong số 15 triệu nô lệ đem bán ở Mỹ thì Anh là nước bán nhiều nhất (thu nhập hàng năm lên tới 300000 bảng Anh). Tiền lời thường từ 100 % đến 300%.

Ngoài ra tích lũy tư bản còn được giai cấp tư sản tiến hành bằng việc tăng cường bóc lột nhân dân trong nước thông qua chế độ quốc trái, hoặc chính sách thuế khóa nặng nề. Công ty Đông Ấn đã cướp bóc ngân khố của Bengale và thu về một món đảm phụ khổng lồ từ bọn phong kiến Bengale và tiến hành đánh thuế rất nặng vào tất cả nhân dân Bengale.

***c.Thắng lợi cuộc cách mạng tư sản và sự ra đời của các quốc gia tư bản chủ nghĩa***

Từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX, ở châu Âu và Bắc Mỹ đã diễn ra các cuộc cách mạng tư sản, dẫn đến sự ra đời của các quốc gia tư bản chủ nghĩa: Hà Lan, Anh, Mỹ, Pháp, .… So với nhà nước phong kiến thì nhà nước tư sản là một thể chế chính trị tiến bộ hơn nhiều, nó tuyên bố về quyền con người, quyền tự do cá nhân và chủ trương thiết lập các quốc gia - dân tộc thống nhất, ngoài ra những quyết định được đưa ra đều phải được thông qua một cơ cấu đại nghị chứ không dựa trên sự độc đoán của nhà vua.

Vì vậy, thắng lợi của cách mạng tư sản đã thủ tiêu những trở ngại trên con đường phát triển tư bản như chế độ phong kiến, nhà nước quân chủ chuyên chế… và thiết lập nên chế độ chính trị mới, cấu trúc nhà nước mới phục vụ cho giai cấp tư sản. Đó là nhân tố quan trọng thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

Giai cấp tư sản tăng cường cướp ruộng đất, tăng thuê khoán, tiến hành xâm chiếm thuộc địa đã đẩy nhanh quá trình tích lũy tư bản, tạo tiền đề quan trọng cho sự xuất hiện cuộc cách mạng công nghiệp ở thế kỷ XVIII - XIX.

***2.Diễn biến cuộc Cách mạng Công nghiệp***

***a. Bước khởi đầu của Cách mạng Công nghiệp (giữa thế kỉ XVIII đến thế kỉ XIX)***

Máy hơi nước của Giêm Oát bắt đầu được đưa vào sử dụng được coi là sự mở đầu của quá trình cơ giới hóa, có ý nghĩa một cuộc cách mạng công nghiệp. Việc sử dụng động cơ máy hơi nước đánh dấu bước nhảy vọt cho cuộc cách mạng công nghiệp trên toàn thế giới, chuyển cách thức lao động bằng tay sang sử dụng máy móc. Trong quá trình tiến hành cách mạng công nghiệp, cơ cấu sản xuất công nghiệp dần được hoàn chỉnh. Ngành khai thác than và khoáng sản kim loại phát triển nhanh chóng giúp cho việc khai thác than và các khoáng sản kim loại được thuận lợi hơn.

Năm 1735, phát minh về phương pháp luyện than cốc đóng góp quan trọng cho việc luyện gang thép.

Năm 1784, lò luyện gang đầu tiên được xây dựng làm tăng khả năng sản xuất đồ kim loại. Các cầu ở nước Anh dần được thay thế bằng cầu sắt, các nhà máy được trang bị máy công cụ và máy công tác cụ thể. Từ đó, hình thành cơ cấu công nghiệp nặng sản xuất máy cái và công nghiệp nhẹ cung cấp các mặt hàng tiêu dùng.

Đầu thế kỉ XIX, nước Anh sử dụng máy hơi nước rất phổ biến trong các nhà máy. Ở Pháp số lượng máy móc tăng lên nhanh chóng: năm 1820 có 65 máy, năm 1848 có 4853 máy. Sản lượng sắt thép năm 1832 có 148 ngàn tấn. Ở Mỹ trong khoảng 1830-1837 sản lượng gang tăng 51%, than tăng 266%.

Sản xuất thủ công hay công xưởng nhỏ không còn phù hợp và được thay thế bằng các nhà máy gồm nguồn phát lực là máy hơi nước, hệ thống chuyền lực và máy công tác làm ra sản phẩm. Do đó, việc sản xuất các vật phẩm đơn chiếc dần được thay thế bằng việc sản xuất hàng loạt theo dây chuyền, theo các tiêu chuẩn chung về chất lượng và mẫu mã.

Nửa đầu thế kỉ XIX, tàu thủy và xe lửa xuất hiện với đầu máy bằng hơi nước thay thế cho các phương tiện thô sơ trước đây như xe ngựa, xe bò hay thuyền bè nhờ sức gió hay sức đẩy của nước. Kinh tế phát triển, đô thị sầm uất, nhộn nhịp nhờ hệ thống đường sắt được mở rộng giúp cho việc vận chuyển, nối liền các thành thị trung tâm thương nghiệp được thuận lợi hơn.

Năm 1825, đoạn đường sắt đầu tiên được khánh thành ở Anh. Năm 1850 cả nước có 10 ngàn km. Ở Mỹ trong khoảng thời gian trên đường sắt dài từ 38km lên 13500km.

Không chỉ thay đổi sức sản xuất mà cách mạng công nghiệp còn làm thay đổi cả các quan hệ sản xuất. Giai cấp tư sản công thương nghiệp giàu lên nhanh chóng, có tiềm lực về kinh tế. Họ đòi hỏi quyền tự do kinh doanh và đứng lên đấu tranh chống lại chế độ phong kiến để xác lập quyền thống trị của giai cấp tư sản. Đồng thời, xuất hiện những người công nhân công nghiệp, hình thành giai cấp công nhân. Tuy nhiên, những người công nhân này bị bóc lột sức lao động nặng nề nên mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản và tư sản trở thành mâu thuẫn cơ bản của xã hội tư bản chủ nghĩa.

Một số các điểm tiêu cực của cuộc cách mạng công nghiệp chính là điều kiện làm việc của công nhân vô cùng cực khổ: công nhân phải làm việc 14-16 giờ/ ngày, trẻ em 5-6 tuổi cũng phải làm việc tới 12 giờ; tiền công thấp lương phụ nữ thấp hơn lương nam giới một nửa, lương trẻ em lại càng thấp hơn và thêm khoản cúp phạt; nhà máy làm việc bụi bặm, cường độ lao động rất cao; nơi ở thì ẩm thấp, chật chội; đói rét, bệnh tật, thất nghiệp luôn là mối đe dọa đời sống của người thợ.

***b. Những phát minh kỹ thuật và cuộc cách mạng công nghiệp ở Anh.***

Cách mạng công nghiệp diễn ra đầu tiên ở Anh và được bắt đầu từ ngành dệt. Từ thế kỷ XVIII, ở Anh phát triển ngành dệt bông bên cạnh ngành dệt len truyền thống. Thị trường Anh ngày càng đòi hỏi nhiều vải bông với giá rẻ trong khi bông nhập khẩu hạn chế không đáp ứng đủ yêu cầu nên ngành dệt cần cải tiến kĩ thuật để sản xuất được nhiều vải với giá rẻ và giảm chi phí sản xuất.

Năm 1733, Giôn Cây phát minh ra con thoi cơ khí (con thoi bay), một kỹ thuật đầu tiên áp dụng vào dệt máy tay giúp người thợ làm được việc mà trước đó phải cần đến hai người, năng suất cũng tăng lên và chất lượng vải cũng đẹp hơn, mịn màng hơn.

Năm 1738, Giôn Oaitơ phát minh ra máy kéo sợi đầu tiên. Máy kéo sợi gồm ba bộ phận: rút, xe và cuộn trong đó rút có ý nghĩa quyết định trong việc chuyển từ kỹ thuật kéo tay sang kỹ thuật máy móc. Tuy nhiên, máy kéo sợi được áp dụng rất chậm vào sản xuất và rất ít được sử dụng.

Năm 1764, Hácgrivơ phát minh máy kéo sợi tên Giênny. Máy Giênny đơn giản hơn máy Oai tơ, không cần động lực cơ giới nào và máy thêm bộ phận kéo rút sợi. Do kết cấu đơn giản, dễ chế tạo, giá rẻ không cồng kềnh nên được sử dụng rộng rãi và phổ biến.

Năm 1769, Risác Ácraitơ chế tạo máy kéo sợi chạy bằng bánh xe nước nên gọi là máy kéo sợi nước.

Năm 1774 đến 1779, Samuen Crômtơn kết hợp ưu điểm của máy kéo sợi Giênny và máy kéo sợi nước chế tạo ra máy kéo sợi khá hoàn hảo và đặt tên là máy “con la”.

Năm 1875, sư mục Cáctơraitơ phát minh máy dệt cơ khí. Các động tác của quá trình dệt vải được cơ giới hóa và dệt được vải với năng suất cao hơn.

Còn nhiều loại máy khác cũng được phát minh: máy chải bông vải, máy tẩy, máy nhuộm…

Năm 1711, Tômát Niucômen chế tạo máy hơi nước dùng để bơm nước. Nhưng máy rất cồng kềnh, chạy không đều, tốn nhiên liệu, công suất không cao và đắt nên chỉ được dùng để hút nước dưới hầm mỏ.

Năm 1769, Giêm Oát phát minh máy hơi nước và nhanh chóng được sử dụng phổ biến, thúc đẩy ngành công nghiệp cải tiến kĩ thuật.

Đầu thế kỉ XIX, cuộc cách mạng công nghiệp ở Anh bước vào thời kì phát triển mạnh mẽ, ngành cơ khí chế tạo máy trở thành ngành chủ chốt. thời kì đầu cách mạng, máy móc chỉ được làm bằng gỗ và chế tạo bằng phương pháp thủ công. Cuối thế kỉ XVIII, kim loại được dùng để chế tạo máy và đòi hỏi phải trang bị kỹ thuật cho ngành cơ khí chế tạo máy ngày càng được nâng cao. Năm 1794, Henri Mốtxli chế tạo thành công giá giữ dao cơ khischo máy tiện và dần được sử dụng rộng rãi, đánh dấu cuộc cách mạng công nghiệp ở Anh được hoàn thành.

***c. Cách mạng công nghiệp ở một số nước khác.***

Cách mạng công nghiệp không chỉ diễn ra ở Anh mà còn diễn ra ở nhiều nước tư bản khác: Pháp, Nhật Bản, Đức, Mỹ…

Cuộc cách mạng Anh có nhiều ảnh hưởng tới nền công nghiệp Pháp. Thông qua nhiều con đường nên máy móc cũng như các thành tự mới về kỹ thuật ở Anh đều được sử dụng ở Pháp. Sau cách mạng, Pháp xuất hiện nhiều xí nghiệp được đầu tư lớn. năm 1796, ngành luyện kim và cơ khí có 1513 xưởng, sản xuất 1324000 tấn gang và 88900 tấn thép. Tuy nhiên, cách mạng công nghiệp ở Pháp chỉ bắt đầu vào những năm 20 của thế kỉ XIX. Bắt đầu hình thành hệ thống nhà máy và chế tạo được nhiều loại máy móc: máy sợi con, máy dệt các loại, máy búa, máy cắt cỏ… Cách mạng công nghiệp Pháp hoàn thành vào những năm 80 của thế kỉ XIX.

Nước Mỹ trước khi độc lập là thuộc địa của Anh. Anh tiến hành nhiều chính sách kìm hãm sự phát triển nền công nghiệp Mỹ và chỉ khi Anh buông lỏng kiểm soát với Mỹ thì Mỹ mới có cơ hội phát triển. Cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX, chịu ảnh hưởng trực tiếp từ cách mạng công nghiệp Anh nên Mỹ xuất hiện nhiều nhà máy kéo dệt và kéo sợi. Năm 1793, phát minh máy tra hạt bông. Nhiều ngành công nghiệp khác cũng phát triển: gia công kim loại, sản xuất máy khâu, đồng hồ… Cách mạng công nghiệp ở Mỹ chỉ bắt đầu từ những năm 20 của thế kỉ XIX với việc máy móc được sử dụng nhiều trong các ngành công nghiệp. Năm 1860, ngành công nghiệp Mỹ đứng thứ tư thế giới. Và đầu năm 70 thế kỉ XIX, cách mạng công nghiệp Mỹ được hoàn thành.

Trước thế kỉ XIX, công nghiệp Đức phát triển chậm chạp do đất nước bị chia cắt. Sau khi Liên bang Đức ra đời cùng ảnh hưởng của cách mạng công nghiệp Anh đã tác động thúc đẩy nền sản xuất của Đức phát triển. Từ 1815, máy hơi nước cũng bắt đầu được sử dụng ở Đức. Đầu thập niên 30 của thế kỉ XIX, Đức thi hành chính sách và biện pháp có lợi cho lưu thông hàng hóa và phát triền sản xuất công nghiệp nên công nghiệp Đức phát triển nhanh chóng. Năm 1834, Đức bắt đầu cuộc cách mạng công nghiệp và công nghiệp luyện kim đóng vai trò chủ yếu. năm 1873, cuộc cách mạng công nghiệp Đức cơ bản hoàn thành.

***d.Những phát minh khoa học – kĩ thuật và những học thuyết chính trị thời cận đại.***

***d1. Những thành tựu khoa học và trào lưu Triết học Khai sáng thế kỉ XVIII.***

Kế thừa những thành tựu đã đạt dược thời Phục hưng, khoa học và triết học thế kỉ XVIII có những bước tiến lớn.

Trong vật lý, Vônta và Ganvani nghiên cứu hiện tượng về điện, tìm ra điện dương và điện âm; Franklin giải thích hiện tượng sấm sét và phát minh cột thu lôi; chế tạo khinh khí cầu. Trong hóa học, phân tích được thành phần không khí, nước và tìm ra phương pháp nghiên cứu tổng hợp… Xuất hiện các nhà Khai sáng dưới chế độ quân chủ chuyên chế.

Môngtexkiơ là nhà luật học, đưa ra nguyên tắc tách biệt giữa ba quyền lực: hành pháp, lập pháp và tư pháp. Ông luôn coi trọng chế độ chính trị và cho rằng chế độ chính trị sẽ quyết định tinh thần của pháp luật và nội dung của lập pháp. Ông phân biệt các loại hình nhà nước: dân chủ (chính quyền thuộc về toàn bộ nhân dân), quý tộc (chính quyền thuộc về một số người giàu có), quân chủ (chính quyền thuộc về một cá nhân nhưng cai trị dựa vào pháp luật và dựa vào quý tộc), chuyên chế (chính quyền đặt dưới sự cai trị độc đoán của nhà vua). Cho rằng nhà nước lập hiến ở Anh thời đó là mẫu mực của thể chế chính trị.

Vônte có khả năng hiểu biết toàn diện và thành công trên nhiều lĩnh vực. Chủ trương xóa bỏ chế độ chuyên chế nhưng vẫn giữ thể chế quân chủ với những vị vua sáng suốt, nếu vua bạo tàn thì nhân dân có thể đánh đổ. Đề xướng thuyết quyền lợi tự nhiên. Ông cho rằng, tự nhiên ban cho con người quyền tự do và bình đẳng. Chủ trương cải cách pháp luật, tội trạng và hình phạt phải tương xứng và chống lại việc sử dụng hình phạt quá tàn bạo. Tư tưởng và những công trình nghiên cứu của ông có đóng góp quan trọng vào kho tàng văn minh nhân loại.

Rútxô là đại biểu xuất sắc của trào lưu tư tưởng Khai sáng. Qua các tác phẩm của mình Rútxô lên án sự tàn bạo của chế độ chuyên chế phong kiến. Phê phán và đả kích sự bất công, chủ trương thay đổi chế độ tư hữu lớn bằng chế độ tư hữu nhỏ, ai cũng có tài sản lớn nhất định, thiết lập chế độ cộng hòa, dân được quyền tự do và bình đẳng như nhau bằng việc cải cách chế độ thuế khóa và quyền thừa kế tài sản. Chủ trương xây dựng nhà nước Cộng hòa, trong đó quyền lực tối cao của quốc gia thể hiện ý chí chung của toàn nhân dân.

Nhóm Bách Khoa toàn thư do nhà triết học Điđơrô và nhà toán học Đalămbe tổ chức. Bộ Bách khoa giải thích các hiện tượng tự nhiên và xã hội dưới ánh sáng của quan điểm duy vật và những thành tựu triết học, kinh tế, khoa học tự nhiên mới đạt được. Quan điểm trên phản bác lại quan điểm duy tâm trước đây nên cuốn Bách Khoa này không được in và lưu hành.

Các nhà kinh tế học cũng đưa ra được các lý thuyết mới, chỉ trích chính sách hạn chế của nhà nước, chủ trương tự do kinh doanh. Adam Xmit nối tiếp tư tưởng trên. Ông đưa ra lý thuyết về giá trị: nguồn gốc của giá trị một vật phẩm là do lượng lao động đã tiêu hao để sản xuất ra vật phẩm đó. Lợi nhuận là khấu hao vào sản phẩm do lao động của công nhân tạo ra. Đêvit Racacđô phát triển học thuyết của A. Xmit cho rằng lợi ích của các giai cấp trong xã hội tư sản là đối lập nhau nhưng ông cho là quy luật tự nhiên.

Tuy các quan điểm có phần khác nhau nhưng đều có điểm chung là là chỉ vào chế độ phong kiến và nền quân chủ chuyên chế tàn bạo ở Pháp và chu trương thay thế bằng xã hội tiến bộ hơn và luôn chủ trương quyền con người là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm.

***d2. Những phát minh khoa học và tiến bộ kĩ thuật thế kỉ XIX.***

Cùng với sự phát triển của công nghiệp, khoa học và kĩ thuật thể kỉ XIX cũng có nhiều bước tiến vượt bậc. Công trình nổi bật thế kỉ XIX là thuyết tiến hóa của Đácuyn. Nội dung cơ bản là quy luật tự nhiên cạnh tranh để sinh tồn và khả năng sinh tồn của mỗi giống loài, kể cả con người.

Menđen cũng được coi là cha đẻ của bộ môn di truyển học. Ngành y có nhiều phát hiện quan trọng về văc xin, vi trùng lao, phương pháp vô trùng trong giải phẫu…

Nhà hóa học Men đê lê ep thiết lập bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học. Nhà vật lý Farađây nêu nguyên lý cảm ứng điện từ.

Ông bà Quiri tìm ra chất phóng xạ thiên nhiên đặt cơ sở đầu tiên về lý thuyết hạt nhân. Thuyết tương đối của Anhxtanh đánh dấu bước chuyển quan trọng trong ngành vật lý. Các phát minh về điện như phát minh của Moocxơ về điện báo, Eđixơn về bóng điện và xây dựng nhà máy điện, phát minh về điện thoại, điện ảnh, vô tuyến, tia X…

Ngoài ra còn rất nhiều các phát minh khác: lò Betxơme và lò Mactanh trong luyện kim, máy tuốc pin phát điện, các phát hiện về mỏ dầu lửa ở Mỹ và Nga, phương tiện giao thông mới xuất hiện: oto, máy bay, tàu biển.

***d3. Những học thuyết xã hội***

Học thuyết về quyền tự do cá nhân và quốc gia dân tộc. Các cuộc cách mạng tư sản diễn ra trong suốt 3 thế kỉ đã giải phóng con người về mặt ý thức và thoát khỏi sự kiềm chế của chế độ độc tài. Tuyên ngôn độc lập của Mỹ và Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Pháp tuyên bố về quyền con người, quyền tự do dân chủ cá nhân và hình thành các quốc gia dân tộc.

Giôn Min nêu lên nguyên tắc là cá nhân có thể làm bất cứ điều gì không hại đến người khác, không vi phạm quyền tự do của người khác.

Tôccơvin luôn ca ngợi tinh thần dân chủ, sức mạnh vật chất và thành công của Mỹ nhưng phê phán tính cách thiếu tế nhị, ngọa mạn và thực dụng của người Mỹ.

Về chủ nghĩa xã hội có 2 xu hướng. Những người dân chủ cho rằng mỗi quốc gia có quyền độc lập, quyền tự do của mỗi cá nhân, không ai có thể xâm phạm. Và phái đối lập đề cao dân tộc mình là siêu đẳng, là sứ mệnh khai hóa văn minh cho các dân tộc khác, đưa ra những lập luận biện minh cho các cuộc chiến tranh xâm lược.

Học thuyết xã hội không tưởng. Tình trạng phân hóa giàu nghèo ngày càng sâu sắc phản ánh mặt trái kinh tế tư bản chủ nghĩa. Các nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng nhận rõ sức mạnh công nghiệp, coi quá trình công nghiệp hóa là điều tất yếu cho sự phát triển của lịch sử.

Xanh Ximong nhận thức được cuộc đấu tranh giai cấp trong xã hội giữa quý tộc với tư sản và công nhân. Chủ trương xây dựng xã hội mới dưới sự lãnh đạo của tư sản và công nhân, sản xuất thep kế hoạch và mọi người bình đẳng.

Phuariê phê phán sự bất công của xã hội tư bản. Ông vạch ra dự án xây dựng các Phalăng (công xã), ở đó mọi người đều coi lao động là nghĩa vụ và niềm vui, kinh tế dựa trên kết hợp giữa nông nghiệp và công nghiệp. Ông kêu gọi nhà giàu bỏ tiền thực hiện nhưng không ai trả lời.

Ôoen xây dựng một xưởng thợ thí nghiệm theo kiểu công xã, tài sản là của chung, mọi người đều lao động, ngày làm việc 10h và bãi bỏ cúp phạt, có khen thưởng…

Các nhà XHCN không tưởng nửa đầu thế kỉ XIX phê phán những mặt trái của xã hội tư bản nhưng không thể vạch ra lối thoát thực sự vì không biết dựa vào luwjjc lượng của giai cấp công nhân và không có biện pháp đấu tranh đúng đắn.

Học thuyết về CNXH khoa học do C. Mác và Ăngghen xây dựng lên. Qua tác phẩm Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản 2 ông khẳng định quy luật đấu tranh giai cấp là động lực phát triển của xã hội, trong xã hội hiện đại là sự đối kháng giữa vô sản và tư sản. Các tác giả nêu lên những mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản sẽ dẫn đến sự diệt vong và sứ mệnh của giai cấp công nhân là lật đổ nó, xây dựng chế độ xã hội mới. Sự ra đời của chủ nghĩa cộng sản khoa học đánh dấu bước phát triển cách mạng vĩ đại trong lịch sử tư tưởng nhân loại và là bước ngoặt trong lịch sử đấu tranh chống áp bức bóc lột.

***3. Hệ quả cách mạng công nghiệp***

Cách mạng công nghiệp ra đời là bước tiến mới cho sự phát triển của xã hội loài người nói chung và các nước châu Âu như Anh, Pháp, Đức, Mĩ…. nói riêng Tuy nhiên cách mạng công nghiệp cũng để lại nhiều hệ quả tích cực, tiêu cực

Dù xét ở khía cạnh nào đi chăng nữa, cũng không thể phủ nhận được ***hệ quả tích cực*** của cách mạng công nghiệp về mặt kinh tế, xã hội

*Thứ nhất, cách mạng công nghiệp giúp nâng cao năng suất lao động, làm ra khối lượng sản phẩm lớn cho xã hội.* Sản xuất bằng máy thay thế sản xuất bằng tay. Máy móc với công suất hoạt động cao đã khiến cho sản xuất hàng hóa gia tăng, con người tạo ra được nhiều sản phẩm trong thời gian ngắn, sản phẩm được tạo ra đồng đều với chất lượng và giá trị như nhau, giá thành sản phẩm được hạ xuống. Ví dụ ở Anh, với phát minh về phương pháp luyện than cốc năm 1735, lò than đầu tiên được xây dựng năm 1784 làm tăng lên gấp nhiều lần khả năng sản xuất đồ kim loại. Ở Pháp, sản lượng gang thép tăng từ 148 ngàn tấn (năm 1832) lên 373 ngàn tấn (năm 1846) khi áp dụng tiến bộ khoa học kĩ thuật. Hay ở Mỹ, trong khoảng 1830-1837, lượng gang tăng 51%, than tăng 266%...Nhờ cách mạng công nghiệp mà mức sống, chất lượng sống của con người không ngừng được nâng cao, khả năng lao động và sức sáng tạo của con người được phát huy cao độ.

Chính nguồn hàng hóa dồi dào với sự chuyên môn hóa sâu sắc trong lao động làm cho không ai cần phải và có thể sản xuất để hoàn toàn tự cung tự cấp cho mình mà mỗi người vừa là người sản xuất, vừa là người tiêu dùng hay nói đúng hơn sản xuất và tiêu dùng bị tách thành hai nửa trong mọt con người. Trong nền kinh tế tự nhiên, người sản xuất tiêu thụ ngay chính sản phẩm do họ làm ra, chỉ có một phần rất nhỏ được đem bán, còn đến thời kì này, người ta sản xuất nhằm mục đích bán ra thị trường là chính và lại tiêu thụ nhiều mặt hàng do người khác làm ra. Do vậy kinh tế ngày càng được thị trường hóa, mọi hoạt động sản xuất ngày càng xã hội hóa, nó thúc đẩy thương nghiệp mở rộng trên quy mô lớn và nhờ thế các ngành công nghiệp phát triển. Mối quan hệ giữa người sản xuất và người tiêu dùng, giữa thương nghiệp và công nghiệp tạo nên nguồn động lực kích thích sản xuất, tạo ra khối lượng sản phẩm lớn cho xã hội

*Thứ hai, cách mạng công nghiệp làm thay đổi bộ mặt của các nước tư bản: nhiều trung tâm công nghiệp mới và thành thị đông dân xuất hiện*. Sản xuất công nghiệp kéo theo nhiều khu công nghiệp ra đời với nhiều ngành công nghiệp khác nhau. Khu công nghiệp ra đời không chỉ đòi hỏi số lượng lớn máy móc, khoa học kĩ thuật mà còn cần một số lượng nhân công để vận hành máy móc, để sản xuất hiệu quả hơn. Vì thế dân cư ở nông thôn kéo ra thành thị để kiếm việc làm trong nhà máy. Một phần dân cư tập trung đông đúc ở đây còn vì sự phát triển của nhiều loại hình, nó đáp ứng được nhu cầu ngày càng gia tăng của con người, khiến cho chất lượng sống, điều kiện sống, tiêu chuẩn sống của con người nâng cao.

Khu công nghiệp ra đời với những quy tắc sản xuất sản xuất công nghiệp chi phối tất cả các mặt hoạt động của kinh tế, xã hội, tất cả phải được tiêu chuẩn hóa. Nền giáo dục phải được tổ chức hệ thống theo chương trình thống nhất để tạo nên nguồn nhân lực đủ khả năng đáp ứng nhưng đòi hỏi của xã hội công nghiệp. Các phương tiện giao thông, thông tin liên lạc, bưu điện… phải được xây dựng theo những tiêu chuẩn chung để tạo nên mạng lưới nối liền các thành thị, các trung tâm kinh tế trên quy mô quốc gia và quốc tế. Sự tiêu chuẩn hóa và chuyên môn hóa không chỉ áp dụng cho công nhân trong nhà máy mà được thực hiện rộng rãi với mọi nhân viên trong công sở, mọi thành viên của guồng máy kinh tế dù họ là người bán hàng, người giữ kho hay nhà giao dịch…. Nhịp điệu của cuộc sống được tính toán theo giờ, theo ngày, theo phút, thời gian của mọi hoạt động được quy định chặt chẽ. Lâu dần phong cách làm việc khẩn trương, đúng hẹn, chính xác trở thành thói quen trong nếp sống của cư dân xã hội công nghiệp. Nó trái ngược với cách lao động và sinh hoạt lề mề, sai hẹn và đại khái được tạo nên bởi tốc độ chậm chạp và điều kiện phân tán của nền sản xuất nông nghiệp lâu đời

*Thứ ba, cách mạng công nghiệp cũng thúc đẩy những chuyển biến mạnh mẽ trong các ngành kinh tế khác, đặc biệt là nông nghiệp và giao thông vận tả*i. Nhu cầu công nghiệp hoá khiến nông nghiệp nhanh chóng chuyển sang phương thức chuyên canh hoặc thâm canh. Trong thời kì này, *nông nghiệp* phát triển, đã có sự thuần hóa và mở rộng diện tích gieo trồng, ứng dụng phân bón hóa học, thuốc trừ sâu làm năng suất lương thực tăng nhanh và hạn chế hậu quả của thiên tai đối với công nghiệp… đồng thời quá trình cơ giới hoá nông nghiệp cũng góp phần giải phóng nông dân, bổ sung lực lượng lao động cho thành phố*. Về giao thông vận tải*, công nghiệp phát triển vói nhiều máy móc kĩ thuật hiện đại giúp cho con người di chuyển đi lại dễ dàng hơn…Do đó trao đổi giao lưu buôn bán phát triển, nền kinh tế thế giới ngày càng được quốc tế hóa cao.

*Thứ tư, cách mạng công nghiệp mở đầu cho hàng loạt cuộc cách mạng công nghiệp khác của thế giới sau này*, là tiền đề của các cuộc cách mạng công nghệ và gần đây là cách mạng công nghiệp 4.0.

Ngoài những hệ quả tích cực, cách mạng công nghiệp cũng mang lại nhiều ***hệ quả tiêu cực*** khác:

*Trong xã hội xuất hiện 2 giai cấp mới: Giai cấp tư sản công nghiệp và vô sản công nghiệp.* Nhờ cách mạng công nghiệp mà giai cấp tư sản giàu lên nhanh chóng, đông đảo về số lượng và có tiềm lực mạnh về kinh tế. *Hố ngăn cách giàu nghèo giữa các tầng lớp cư dân* trở nên sâu sắc, sự túng bấn của kẻ này là sự thừa thãi của kẻ khác. Nguyên tắc tự do bình đẳng trên thực tế không được đảm bảo. Quan hệ xã hội cùng nền tảng đạo lý truyền thống bị vi phạm, cuộc chạy đua vì đồng tiền nhiều khi vượt quá giới hạn cho phép, làm băng hoại đạo đức xã hội. Giai cấp tư sản công nghiệp nắm trong tay toàn bộ tư liệu sản xuất và quyền thống trị. Giai cấp vô sản là những người đi làm thuê, đời sống cơ cực, họ bị bóc lột sức lao động. Họ phải làm việc mỗi ngày 14-16 giờ, trẻ em 5-6 tuổi cũng phải làm tới 12 giờ. Tiền công rất thấp, lương phụ nữ chỉ bằng một nửa lương nam giới trong cùng một công việc, tiền công của trẻ em càng rẻ mạt. Lại thêm các khoản cúp phạt nên số tiền kiếm được không đủ nuôi sống gia đình. Nhà máy thì bụi bặm, chật chội, người thợ luôn phải làm việc hết sức khẩn trương cho kịp với độ quay của máy nên cường độ lao động rất cao, rất mệt mỏi.

*Sự bóc lột của giai cấp tư sản đã làm cho mâu thuẫn, cuộc đấu tranh giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản* không ngừng gia tăng. Điều này dẫn đến các cuộc đấu tranh giai cấp, phong trào đấu tranh của công nhân bùng nổ. Các cuộc đấu tranh đòi hỏi nhiều loại vũ khí hạt nhân mới, tân tiến, hiện đại, điều này có sức hủy diệt lớn đến môi trường và xã hội.

Không chỉ đấu tranh giữa giai cấp vô sản và tư sản mà còn *có sự đấu tranh giữa chính những người trong giai cấp tư sản với nhau.* Cuộc cạnh tranh lạnh lùng, không tình nghĩa đã làm phá sản biết bao doanh nghiệp, loại ra khỏi vòng đua những đối thủ yếu kém và làm tan vỡ biết bao gia đình. Những hậu quả đó làm nên mặt trái của xã hội thị trường mà việc hạn chế và khắc phục nó là điều nhân loại quan tâm.

Nguyên tắc tự do, bình đẳng trong xa hội không được đảm bảo, mạnh ai nấy sống, quan hệ nền tảng đạo lý truyền thống bị vi phạm, cuộc chạy đua vì đồng tiền nhiều khi vượt quá giới hạn cho phép, làm băng hoại đạo đức xã hội, làm rối loạn trật tự công cộng và làm tổn hại nhân phẩm trong cộng đồng.

Hơn nữa, *cách mạng công nghiệp diễn ra tạo nên sự gia tăng dân số trên toàn thế giới*, tỉ lệ sinh tăng, tỉ lệ tử giảm. Dân số tăng từ 4,5% năm 1800 lên 5,2% năm 1850, dân số thế giới tăng từ 500 triệu người năm 1650 lên 2 tỉ người năm 1930. Dân số tăng để lại nhiều tác động tiêu cực:

Dân số tăng sẽ tạo nên khoảng cách lớn giữa nhu cầu lương thực của con người và khả năng của đất đai đáp ứng nhu cầu đó. Điều này có thể tạo ra làn sóng di cư, nhiều người rời bỏ quê hương để đi khai phá những vùng đất mới, đến nơi khác nhau sinh sống khiến cho vấn đề kiểm soát dân số trở nên khó khăn. Cách mạng công nghiệp với nền sản xuất công nghiệp xâm nhập vào nông thôn khiến cho nền tảng gia đình lớn bị tan rã dần. Những người trong gia đình làm những công việc khác nhau tại những cơ sở sản uất riêng rẽ nhiều khi rất xa nhau, được chuyên môn hóa về nghề nghiệp thì gia đình nhiều thế hệ dần dần không tồn tại nữa. Chức năng then chốt của gia đình bị chia thành những thể chế mới, do nhiều tổ chức xã hội đảm nhiệm… Dân số tăng khiến cho mức tiêu thụ tài nguyên trên đầu người tăng, khiến cho suy thoái, cạn kiệt các nguồn tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường. Dân số tăng cũng khiến xuất hiện nhiều loại dịch bệnh mới, các loại tai nạn lao động, tai nạn giao thông có xu hướng gia tăng.

Mặc dù có những mặt tiêu cực, nhưng cuộc cách mạng công nghiệp đã mang lại “ánh sáng” cho nhân loại, đưa loài người thoát khỏi sự lạc hậu, tiến đến một xa hội tiên tiến và phát triển hơn. Cuộc cách mạng công nghiệp không chỉ ảnh hưởng đến các nước châu Âu mà còn ảnh hưởng đến toàn thế giới.

***4. Kết luận***

Thời cận đại, đặc biệt thế kỉ XIX đánh dấu bước ngoặt trong lịch sử sản xuất từ lao động bằng tay sang sử dụng máy móc, nhờ đó tạo sự chuyển biến từ làn sóng văn minh nông nghiệp sáng văn minh công nghiệp. Chính nhờ có sự phát triển sức sản xuất, tích lũy tư bản, thắng lợi của cách mạng tư sản cũng như sự ra đời của các quốc gia tư bản chủ nghĩa là tiền đề thúc đẩy sự phát triển của cách mạng công nghiệp. Trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản cũng dần bộc lộ được những mặt hạn chế trong quan hệ xã hội: sự bóc lột giai cấp, khoảng cách giữa người giàu và người nghèo, áp bức bóc lột… một số phát minh, thành tựu kĩ thuật được dùng làm phương tiện chiến tranh phá hoại công trình do nhân loại tạo ra. Tuy vậy, sự ra đời của chủ nghĩa tư bản, sự phát triển của quá trình công nghiệp hóa kèm theo biến đổi về kinh tế, xã hội, chính trị là bước phát triển quan trọng trong thời kì mới của tiến trình lịch sử văn minh nhân loại.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Vũ Dương Ninh (chủ biên), Lịch sử văn minh thế giới, NXB Giáo dục.
2. Nguyễn Văn Ánh, Lịch sử văn minh thế giới, NXB Giáo dục.
3. Đại học Sư phạm Hà Nội, Lịch sử thế giới cận đại quyển 1 (1640 -1870), NXB Giáo dục.
4. Phan Ngọc Liên, Trương Hữu Quýnh, Lương Ninh, Đinh Ngọc Bảo, Nguyễn Hồng Liên, Nguyễn Cảnh Minh, Nghiêm Đình Vỳ, Bài 32- Sách giáo khoa Lịch sử 10 (nâng cao) -,NXB Giáo dục.